TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 3 - 2023
V/v L hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Minh Tuấn

Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về L hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị T, sinh năm 1989 (có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn BL, xã Phan RT, huyện BB, tỉnh BT

- *Bị đơn:* Anh Tăng Hồng Th, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ap HA, x HT, H GR, T KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08/4/2022 chị Ngô Thị T trình bày: Chị T và anh Th tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HT, huyện GR, tỉnh KG vào ngày 15/11/2016. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T thô bạo ra tay đánh đập chị và dùng lời lẽ đoe dọa chị và các con. Nay chị đã bỏ về

nhà cha mẹ ruột ở Bình Thuận sinh sống và đã L thân với anh Th từ tháng 3/2020 đến nay. Nay chị xét thấy giữa chị và anh Th không thể tiếp tục hàn gắng và mục đích hôn nhân không đạt được đời sống chung không thể kéo dài. Nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được L hôn với anh Tăng Hồng Th.

Về con chung chị T xác định có 02 chung là Tăng Hồng Khánh L, sinh ngày 21/4/2017 và Tăng Trung T1, sinh ngày 31/10/2018, các con đang sống cùng chị. Nay chị yêu cầu tiếp tục được chăm sóc nuôi dưỡng con, chị không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tăng Hồng Th đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh Tahnh không có văn bản phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt.

Tòa án đã triệu tập anh Tăng Hồng Th đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh Th vẫn vắng mặt, không vì lý do bất khả kháng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, thẩm phán, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Đối với nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị T anh Th tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc. Nguyên nhân chị T cho rằng anh Th có hành vi đánh đập chị nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh Th được biết thực tế cả hai không còn sống chung. Trong quá trình tố tụng Tòa án đã thông báo đầy đủ các thủ tục tố tụng cho anh Th, nhưng anh Th không nêu ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của chị T. Từ đó, xét thấy hôn nhân giữa chị T anh Th đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt.

Về con chung chị T xác định có 02 người con chung Tăng Hồng Khánh L, sinh ngày 21/4/2017 và Tăng Trung T1, sinh ngày 31/10/2018, hiện chị đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14; Điều 53; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn về việc được L hôn với anh Tăng Hồng Th. Về con chung: Giao cháu Tăng Hồng Khánh L, sinh ngày 21/4/2017 và Tăng Trung T1, sinh ngày 31/10/2018, cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị miễn xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án L hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, anh Tăng Hồng Th với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ap HA, x HT, H GR, T KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn, quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Ngô Thị T với anh Tăng Hồng Th là hôn nhân hợp pháp đã tuân thủ đúng các đều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 15/11/2016, tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, theo thẩm quyền đăng ký kết hôn quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Luật

Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nguyên nhân dẫn đến L hôn chị T cho rằng anh Th có hành vi đánh đập chị nên chị và anh Th đã L thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay. Nay mục đích hôn nhân không đạt được, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh Th. Đối với anh Th Tòa án đã tiến hành thông báo các thủ tục tố tụng và triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa nhưng anh Th không có mặt và không có ý kiến phản hồi việc L hôn của chị T. Hội đồng xét xử nhận thấy, mục đích hôn nhân là nhằm để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên phải có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, muốn đạt được điều này vợ chồng cùng xây dựng, nhưng chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh Th. Đồng thời, theo xác minh tại địa phương nơi đăng ký kết hôn xác định chị T anh Th hiện không còn sống chung. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của L hôn của chị T đối với anh Th.

[2.2]. Về con chung: Chị T xác định chị và anh Th có với nhau 02 người con chung Tăng Hồng Khánh L, sinh ngày 21/4/2017 và Tăng Trung T1, sinh ngày 31/10/2018, hiện chị đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Xét thấy, anh Th vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên không thỏa thuận được về việc nuôi con sau khi L hôn. Theo chị T xác định chị T và anh Th không chung sống với nhau chị T là người trực chăm sóc nuôi dưỡng các con, để giữ ổn định và đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của con nghị nên tiếp tục giao cháu Tăng Hồng Khánh L, sinh ngày 21/4/2017 và Tăng Trung T1, sinh ngày 31/10/2018, cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, phù hợp với với quy định của pháp luật. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T được L hôn với anh Tăng Hồng Th.

2. Về con chung: Giao cháu Tăng Hồng Khánh L, sinh ngày 21/4/2017 và Tăng Trung T1, sinh ngày 31/10/2018, cho chị Ngô Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Tăng Hồng Th không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

Anh Tăng Hồng Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0008397 ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị T, anh Tăng Hồng Th vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Nhên